

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN P**  
**THÀNH PHỐ C**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2020

V/v tranh chấp Ly hôn, con chung.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ C**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Hồng Tươi

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Tô Phạm Tuyết Nghiêm

2. Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Ban, là thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố C.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp Ly hôn, con chung; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 74/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị H, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp 5, thị trấn Gành H, huyện Đông H, tỉnh Bạc L – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Khánh C, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp Tân T, xã Nhon N, huyện P, thành phố C.

*(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nguyên đơn – bà Hồ Thị H trình bày:* Bà H và ông Nguyễn Khánh C tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhon N, huyện P, thành phố C ngày 27 tháng 6 năm 2017. Trong thời kỳ hôn nhân bà H và ông C chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khi sinh con chung Nguyễn Thị Cẩm G thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân là do ông Nguyễn Khánh C không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn mà thường xuyên cờ bạc. Bà C phải tự làm để nuôi con nên cuộc sống rất khó khăn. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cự cãi và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà đã khuyên can chồng nhiều lần nhưng không thay đổi được. Gia đình hai bên hàn

gắn nhưng không có kết quả. Bà và ông C đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông C không còn nên yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Khánh C.

Quá trình chung sống ông bà có một người con chung là Nguyễn Thị Cẩm G (nữ) sinh ngày 08/7/2013. Sau khi ly thân bà H đã trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên cho đến nay. Do đó, bà H yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, gửi giấy triệu tập cho ông C nhưng ông C không đến Tòa án để giải quyết yêu cầu xin ly hôn của bà H. Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đối với ông C, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ 02 đến phiên tòa xét xử, nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Khánh C xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn N, huyện P, thành phố C ngày 27 tháng 6 năm 2017, số vào sổ 79/2017 là hôn nhân hợp pháp. Nay một bên yêu cầu được ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P, thành phố C thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Khánh C đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông C.

[3] Theo bà H trình bày quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc, đến năm 2013 thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do ông C không lo làm ăn và không quan tâm đến vợ con và thường xuyên cờ bạc. Bà nhiều lần khuyên can ông C nhưng ông C không thay đổi. Ông C và bà đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Hiện tại, bà H xác định vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nữa nên yêu cầu ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc triệu tập ông C đúng trình tự luật định để tham gia tố tụng tại tòa và có ý kiến đối với hôn nhân của mình nhưng phía ông C nhiều lần vắng mặt không lý do. Điều đó cho thấy ông C đã không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông C là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: ông bà có một người con chung là Nguyễn Thị Cẩm G (nữ) sinh ngày 08/7/2013. Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông C về nuôi con chung, bà H yêu cầu được nuôi con chung. Hiện nay cháu G đang sống ổn định với bà H và cháu cũng có nguyện vọng chung sống với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, nhằm tránh xáo trộn cuộc sống của cháu G, do đó giao cháu cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con: bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn trình bày không có nhưng chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn, do đó, tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu của các đương sự.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Khánh C.

- *Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Thị Cẩm G (nữ) sinh ngày 08/7/2013 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông C không ai được quyền ngăn cản.

- *Tài sản chung, nợ chung*: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu của các đương sự.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà H nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 017302 ngày 03/2/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận :**

- Các đương sự;
- TAND Tp. C;
- VKSND H. P;
- THA H. P;
- UBND xã N;
- Lưu HS (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Hồng Tươi**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Tô Phạm Tuyết Nghiêm   Nguyễn Thị Kim Tuyết   Trần Hồng Tươi**